

HỎA TỐC

TỜ TRÌNH

**Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020
chuyển sang năm 2021 (nguồn vốn ngân sách tỉnh)**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau

Theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019), Luật Đầu tư công; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 chuyển sang năm 2021 (nguồn vốn ngân sách tỉnh) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Trong quá trình triển khai thực hiện có những dự án có tiến độ thực hiện nhanh cần bổ sung vốn để sớm hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng bên cạnh đó có những dự án trong quá trình triển khai gặp khó khăn vướng mắc như: vướng mắc bồi thường giải phóng mặt bằng, phát sinh hạng mục đầu tư phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án, điều chỉnh thiết kế - bản vẽ thi công hoặc đang trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, một số dự án khởi công mới năm 2020 có thời gian ký kết hợp đồng thi công sang năm 2021, hoặc có những dự án qua đấu thầu có giảm giá nên khả năng không giải ngân hết kế hoạch vốn đã bố trí nên không giải ngân hết kế hoạch vốn đã bố trí.

Theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật quy định có liên quan về đầu tư công, nhằm để sử dụng hết và phát huy hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 chuyển sang năm 2021 (nguồn vốn ngân sách tỉnh) tiếp tục thực hiện và giải ngân.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM

1. Mục đích

Chuyển kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 sang năm 2021 (nguồn vốn ngân sách tỉnh) tiếp tục thực hiện và giải ngân, nhằm góp phần sử dụng hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 đã được thông qua theo quy định.

2. Quan điểm

Thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công, các văn bản pháp luật của cấp thẩm quyền về đầu tư công, làm cơ sở tiếp tục thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 chuyển sang năm 2021 (nguồn vốn ngân sách tỉnh).

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh và đã gửi lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị có liên quan theo quy định; kết quả có 20/32 đơn vị tham gia đóng góp ý kiến.

Về cơ bản các đơn vị thống nhất với nội dung dự thảo Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng thời có một số đơn vị có ý kiến đóng góp; qua đó, cơ quan soạn thảo Nghị quyết đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung trên cơ sở khả năng cân đối kế hoạch vốn bố trí. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức cuộc họp thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh để thảo luận, biểu quyết nội dung dự thảo Nghị quyết theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG

1. Bố cục

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 chuyển sang năm 2021 (nguồn vốn ngân sách tỉnh) có 03 Điều.

2. Nội dung cơ bản

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 (nguồn ngân sách tỉnh) 1.585,082 tỷ đồng; trong đó: vốn ngân sách tập trung do tỉnh quản lý 684,597 tỷ đồng, vốn xã số kiến thiết 900,485 tỷ đồng. Tính đến ngày 31/01/2021 đã giải ngân 1.484,014 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 93,6%; trong đó: vốn ngân sách tập trung do tỉnh quản lý giải ngân 677,431 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 98,9%, vốn xã số kiến thiết giải ngân 806,583 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 89,6%.

Trong quá trình triển khai thực hiện, có một số dự án gặp khó khăn vướng mắc như: vướng mắc bồi thường giải phóng mặt bằng, phát sinh hạng mục đầu tư phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án, điều chỉnh thiết kế - bản vẽ thi công hoặc đang trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, một số dự án khởi công mới năm 2020 có thời gian ký kết hợp đồng thi công sang năm 2021, hoặc có những dự án qua đấu thầu có giảm giá nên khả năng không giải ngân hết kế hoạch vốn đã bố trí; từ đó các chủ đầu tư đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 sang năm 2021, đồng thời qua rà soát cần điều chỉnh kế hoạch vốn được kéo dài sang năm 2021 cho phù hợp nhu cầu thực tế.

Xuất phát từ thực tế trên, để sử dụng hết và phát huy hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 chuyển sang năm 2021 (nguồn vốn ngân sách tỉnh), Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 chuyển sang năm 2021 (nguồn vốn ngân sách tỉnh) tiếp tục thực hiện và giải ngân như sau:

1. Kế hoạch vốn ngân sách tập trung do tỉnh quản lý năm 2020 chuyển sang năm 2021 (7,166 tỷ đồng): đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 1,939 tỷ đồng của 13 danh mục dự án để bổ sung kế hoạch vốn cho 03 danh mục dự án, như Phụ lục I kèm theo.

2. Kế hoạch vốn xổ số kiến thiết năm 2020 chuyển sang năm 2021 (93,902 tỷ đồng): đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 9,931 tỷ đồng của 18 danh mục dự án để bổ sung kế hoạch vốn cho 08 danh mục dự án, như Phụ lục II kèm theo.

Trên đây là nội dung Tờ trình về việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 chuyển sang năm 2021 (nguồn vốn ngân sách tỉnh), Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC, Tư pháp;
- Phòng TH;
- Lưu: VT, KL02/3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Sử



PHỤ LỤC I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2020 CHUYỂN SANG NĂM 2021
(Kèm theo Tờ trình số 23 /TTr-UBND ngày 10/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Loại	Khối	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn bổ từ từ không cộng đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bỏ trí		Đã giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Kế hoạch vốn năm 2020 còn lại chưa giải ngân chuyển sang năm 2021	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020 còn lại chưa giải ngân (tính đến ngày 31/01/2021)		Kế hoạch vốn năm 2020 còn lại chưa giải ngân chuyển sang năm 2021 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tăng (+)	Giảm (-)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18=16-17	19	20	21=(18+19)-20	22	23
	TỔNG SỐ					4.281.203	2.099.901	300.814	29.891	1.889.069	1.285.010	1.349.708	872.173	800.345	684.597	677.431	7.166	1.939	1.939	7.166		
A	NÔNG, LÂM, THỦY SẢN					290.844	138.864	70.877	-	146.107	106.107	65.618	28.044	23.000	23.000	23.000						
I	Dự án chuyển tiếp					290.844	138.864	70.877	-	146.107	106.107	65.618	28.044	23.000	23.000	23.000						
1	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia U Minh hạ, tỉnh Cà Mau			7070714	936/QĐ-UBND ngày 12/6/2008; 153/QĐ-UBND ngày 27/01/2016	144.560	33.580	70.877	-	38.580	38.580	18.418	15.844	10.600	10.600	10.600						Vườn Quốc gia U Minh hạ
2	Công trình đầu tư rừng giống, vườn giống, vườn ươm cây rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau	280	283	7626031	2431/QĐ-SNN ngày 27/10/2017	7.867	7.867			7.867	7.867	2.000	2.000	3.000	3.000	3.000						Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng sản xuất giống - Trại giống Khánh Lâm 2	280	281	7578614	540/QĐ-UBND ngày 29/3/2016; 78/QĐ-UBND ngày 16/01/2018; 1682/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	63.060	48.060			63.060	48.060	20.000	5.000	3.000	3.000	3.000						Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020			7599744	1817/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	75.357	49.357			36.600	11.600	25.200	5.200	6.400	6.400	6.400						Chi cục Kiểm lâm tỉnh Cà Mau
B	GIAO THÔNG					2.316.250	834.942	192.564	16.664	626.624	275.528	838.848	435.752	313.790	241.790	241.790						
I	Dự án chuyển tiếp					2.316.250	834.942	192.564	16.664	626.624	275.528	838.848	435.752	313.790	241.790	241.790						
1	Hệ thống giao thông khu hành chính huyện Phú Tân			7147972	1297/QĐ-UBND ngày 29/7/2009	89.981	89.981	16.664	16.664	73.317	73.317	45.753	45.753	15.000	15.000	15.000						Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
2	Tuyến đường phía bờ Nam sông Ông Đốc nối vào Quốc lộ 1A (Rau Dừa - Rạch Răng - Sông Đốc).			7249003	1566/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1655/QĐ-UBND ngày 31/10/2014; 72/QĐ-UBND ngày 13/01/2020	1.521.792	593.000	100.000	-	481.096	160.000	764.096	371.000	283.000	211.000	211.000						Sở Giao thông Vận tải
3	Tuyến đường cứu hộ, cứu nạn để biển Tây, phục vụ ANQP khu vực Hòn Dà Bạc kết hợp phòng cháy rừng VQG U Minh hạ, tỉnh Cà Mau (đường Tắc Thủ - Vàm Dà Bạc)			7249001	1569/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1656/QĐ-UBND ngày 31/10/2014; 1683/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	657.270	113.550	75.900	-	13.800	3.800	13.800	3.800	1.500	1.500	1.500						Sở Giao thông vận tải
4	Tuyến đường vào Khu căn cứ Huyện ủy huyện Thới Bình			7653862	4467/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	23.796	15.000			35.000	15.000	10.000	10.000	3.000	3.000	3.000						Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình
5	Tuyến đường bờ Tây kênh Kiểm Lâm, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân			7685902	382/QĐ-SXD ngày 30/10/2018; 186/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	23.411	23.411			23.411	23.411	5.199	5.199	11.290	11.290	11.290						Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
C	HẠ TẦNG ĐÔ THỊ					654.129	185.930	24.146	-	210.533	71.318	35.229	28.364	33.549	33.549	33.305	244	1.275	23	1.496		
I	Dự án chuyển tiếp					642.400	174.201	24.146	-	198.833	59.618	34.877	28.012	25.749	25.749	25.726	23		23			
1	Dự án đầu tư xây dựng đường đầu nối Quốc lộ 1A vào dự án khu dân cư phía Đông Quốc lộ 1A (Khu A), xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau	292	7598225	277/QĐ-SXD ngày 14/10/2016		14.862	14.862			14.862	14.862	2.839	2.839	5.300	5.300	5.300						Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
2	Nâng cấp đường trung tâm hành chính huyện Cái Nước (đoạn từ cầu Tái chính đến cầu Đền thờ Bắc Hồ)	292	7723869	383/QĐ-SXD ngày 30/10/2018		10.886	10.886			10.886	10.886	8.038	8.038	2.773	2.773	2.771	2		2	Không còn nhu cầu giải ngân	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
3	Nâng cấp đường ô tô đến trung tâm thị trấn Rạch Gốc (đoạn từ ngã tư Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp đến cầu Kênh Huê), huyện Ngọc Hiển	292	7725816	388/QĐ-UBND ngày 31/10/2018		8.310	8.310			8.310	8.310	4.000	4.000	3.676	3.676	3.656	20		20	Không còn nhu cầu giải ngân	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
4	Dự án đường đầu nối từ Quốc lộ 63 (đường Nguyễn Trãi) vào dự án khu dân cư Đông Bắc Quảng trường văn hóa trung tâm (Khu C)	292	7524410	543/QĐ-UBND ngày 30/3/2016		40.558	40.558			25.560	25.560	9.381	9.381	13.000	13.000	13.000						Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
5	Dự án Cải tạo và xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau			7007279	1258/QĐ-UBND ngày 27/8/2015; 480/QĐ-TTg ngày 08/4/2020	567.784	99.585	24.146		139.215		10.619	3.754	1.000	1.000	999	1		1	Không còn nhu cầu giải ngân	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
II	Dự án khởi công mới năm 2020					11.729	11.729	-	-	11.700	11.700	352	352	7.800	7.800	7.579	221	1.275		1.496		
1	Bổ kế từ công Rạch Răng đến Tru sở Công an huyện Trần Văn Thời			7635201	221/QĐ-UBND ngày 25/5/2017; 615/QĐ-SXD ngày 24/12/2020	11.729	11.729			11.700	11.700	352	352	7.800	7.800	7.579		1.275		1.496	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
D	HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP					4.590	4.590	-	-	4.590	4.590	-	-	4.495	4.495	4.495						
I	Dự án khởi công mới năm 2020					4.590	4.590	-	-	4.590	4.590	-	-	4.495	4.495	4.495						

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Đã giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Kế hoạch vốn năm 2020 còn lại chưa giải ngân chuyển sang năm 2021	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020 còn lại chưa giải ngân (tính đến ngày 31/01/2021)		Kế hoạch vốn năm 2020 còn lại chưa giải ngân chuyển sang năm 2021 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư	
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT			Tăng (+)	Giảm (-)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18-16-17	19	20	21-(18+19)-20	22	23	
1	Dự án đầu tư xây dựng mới đường dây trung thế 3 pha đường N1 (tuyến bên phải) Khu công nghiệp Khánh An		309	7766120	90/QĐ-SCT ngày 18/6/2019	4.590	4.590			4.590	4.590			4.495	4.495	4.495						Ban Quản lý Khu kinh tế	
E	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN					26.521	24.990	-	-	24.990	24.990	19.990	19.990	9.903	9.903	9.885	18		18				
I	Dự án chuyển tiếp					26.521	24.990	-	-	24.990	24.990	19.990	19.990	9.903	9.903	9.885	18		18				
1	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Đảng tỉnh Cà Mau giai đoạn 2015 - 2020		7579881		1650/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	26.521	24.990			24.990	24.990	19.990	19.990	9.903	9.903	9.885	18		18		Không còn nhu cầu giải ngân	Văn phòng Tỉnh ủy Cà Mau	
G	KHOI ĐẢNG, NHÀ NƯỚC					866.129	807.845	13.227	13.227	760.159	706.411	347.504	317.504	315.855	292.107	287.902	4.205	664	277	4.592			
I	Dự án chuyển tiếp					802.289	744.005	13.227	13.227	696.319	642.571	346.172	316.172	285.200	261.452	257.247	4.205	664	277	4.592			
1	Trụ sở Huyện ủy Trấn Văn Thới và các Ban Đảng	341	7435891		1846/QĐ-UBND ngày 11/12/2013	45.365	40.829	5.646	5.646	26.733	26.733	21.704	21.704	5.000	5.000	1.852	3.148			3.148	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Ủy ban nhân dân huyện Trấn Văn Thới	
2	Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau	341	7580170		1788/QĐ-UBND ngày 19/10/2016	432.227	432.227			389.000	389.000	222.121	222.121	153.394	153.394	153.394					Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
3	Trụ sở hành chính thị trấn U Minh, huyện U Minh	341	7605693		313/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	12.510	12.510			12.510	12.510	11.259	11.259	1.037	1.037	1.037					Ủy ban nhân dân huyện U Minh		
4	Mở rộng Trụ sở Ban Tiếp công dân tỉnh Cà Mau	341	7655288		4805/QĐ-SXD ngày 30/12/2017, 150/QĐ-SXD ngày 09/01/2018	6.186	6.186			2.500	2.500	2.400	2.400	3.500	3.500	3.400	100		100		Không còn nhu cầu giải ngân	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
5	Trụ sở hành chính xã Phú Thuận, huyện Phú Tân	341	7618945		350/QĐ-SXD ngày 29/8/2017	14.908	14.908			14.433	14.433	5.577	5.577	8.846	8.846	8.846					Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân		
6	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở hành chính xã Phú Tân, huyện Phú Tân	341	7685901		363/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	14.930	14.930			14.930	14.930	4.200	4.200	10.340	10.340	10.333	7		7		Không còn nhu cầu giải ngân	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
7	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy U Minh	341	7607698		313/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	8.616	8.616			8.616	8.616	4.200	4.200	3.500	3.500	2.895	605		605		Tiếp tục thanh toán khối lượng	Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
8	Trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	341	7679836		425/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	14.897	14.897			13.772	13.772	4.200	4.200	10.623	10.623	10.548	75		75		Không còn nhu cầu giải ngân	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
9	Trụ sở hành chính xã Đất Mỡ, huyện Năm Căn	341	7684552		424/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	14.920	14.920			14.920	14.920	5.200	5.200	7.791	7.791	7.616	175	464		639	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn	
10	Trụ sở hành chính xã Đông Thới, huyện Cái Nước	341	7659860		412/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	14.485	14.485			14.485	14.485	6.612	6.612	7.576	7.576	7.546	30		30		Không còn nhu cầu giải ngân	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
11	Xây dựng các hạng mục công trình phụ Trụ sở làm việc Huyện ủy Ngọc Hiển	341	7682985		412/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	7.285	7.285			7.285	7.285	5.200	5.200	740	740	740	200		200		200	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
12	Trụ sở làm việc Đài Truyền thanh huyện Phú Tân	341	7653356		390/QĐ-SXD ngày 29/9/2017	4.554	4.554			4.554	4.554	2.200	2.200	2.000	2.000	1.940	60		60		Không còn nhu cầu giải ngân	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
13	Kho Lưu trữ chuyên dụng tỉnh Cà Mau	341	7358582		1066/QĐ-UBND ngày 05/7/2018	93.266	39.518	7.581	7.581	63.748	10.000	32.000	2.000	33.748	10.000	10.000						Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
14	Công trình đầu tư xây dựng 03 Nhà nghỉ nội bộ Tỉnh ủy	341	7673320		1143/QĐ-UBND ngày 19/7/2018	39.309	39.309			36.415	36.415	10.149	10.149	9.154	9.154	9.149	5		5		Không còn nhu cầu giải ngân	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
15	Trụ sở làm việc Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau	341	7618682		354/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.704	14.704			14.704	14.704	4.150	4.150	7.951	7.951	7.951						Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
16	Trụ sở làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường	341	7573814		1759/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	64.127	64.127			57.714	57.714	5.000	5.000	20.000	20.000	20.000						Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
II	Dự án khởi công mới năm 2020					63.840	63.840	-	-	63.840	63.840	1.332	1.332	30.655	30.655	30.655							
1	Cải tạo, nâng cấp công trình Trụ sở hành chính xã Nguyễn Phúc, huyện U Minh	341	7816947		315/QĐ-SXD ngày 18/10/2019	14.217	14.217			14.217	14.217			7.500	7.500	7.500						Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
2	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu nhà ở trong Khu dịch vụ Làng nghề thuộc Công viên văn hóa - du lịch Mũi Cà Mau		341	7755813	119/QĐ-SXD ngày 14/5/2019	13.912	13.912			13.912	13.912			13.000	13.000	13.000						Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
3	Trụ sở hành chính xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước	341	7720568		301/QĐ-SXD ngày 16/10/2018	13.701	13.701			13.701	13.701	570	570	4.000	4.000	4.000						Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
4	Trụ sở hành chính xã Hiệp Tăng, huyện Năm Căn	341	7749242		333/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	14.758	14.758			14.758	14.758	762	762	6.000	6.000	6.000						Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn	
5	Cải tạo công trình Trụ sở Sở Thông tin và Truyền thông thành trụ sở Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính	341	7790919		368/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	7.252	7.252			7.252	7.252			155	155	155						Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
H	QUỐC PHÒNG - AN NINH					122.740	102.740	-	-	116.066	96.066	42.519	42.519	65.333	45.333	44.255	1.078			1.078			
I	Dự án chuyển tiếp					104.854	84.854	-	-	99.969	79.969	41.569	41.569	56.183	36.183	35.105	1.078			1.078			
1	Dự án đầu tư xây dựng Trường bắn, Thao trường huấn luyện BCHQS tỉnh Cà Mau		7004686		1870/QĐ-TM ngày 28/11/2018	26.000	6.000			26.000	6.000			25.000	5.000	3.982	1.018			1.018	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau	
2	Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020		7004692		1671/QĐ-UBND ngày 30/10/2015, 871/QĐ-UBND ngày 22/5/2019	49.157	49.157			44.569	44.569	31.569	31.569	12.112	12.112	12.052	60			60	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Công an tỉnh Cà Mau	
3	Dự án Camera giám sát giao thông và an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Cà Mau		7004692		1822/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	29.697	29.697			29.400	29.400	10.000	10.000	19.071	19.071	19.071						Công an tỉnh Cà Mau	
II	Dự án khởi công mới năm 2020					17.886	17.886	-	-	16.097	16.097	950	950	9.150	9.150	9.150							
1	Dự án đầu tư xây dựng một số công trình tại các Trạm Kiểm soát Biên phòng Đá Bạc, Bồ Đề, Hộ Gù và Khánh Hội		7004686		1823/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	17.886	17.886			16.097	16.097	950	950	9.150	9.150	9.150						Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau	
I	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					-	-	-	-					4.006	4.006	2.914	1.092		1.092	-		Sơ Kế hoạch và Đầu tư trình phân khai	

TT	Danh mục dự án	Loại	Khuôn	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn bỏ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bỏ		Đã giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Kế hoạch vốn năm 2020 còn lại chưa giải ngân chuyển sang năm 2021	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020 còn lại chưa giải ngân (tính đến ngày 31/01/2021)		Kế hoạch vốn năm 2020 còn lại chưa giải ngân chuyển sang năm 2021 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
					Số QĐ: ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT			Tăng (+)	Giảm (-)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18-16-17	19	20	21-(18-19)-20	22	23
1	Trụ sở làm việc Chi cục Bảo vệ môi trường và Trung tâm quan trắc môi trường tỉnh Cà Mau													51	51	51						Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Cái Nước													200	200	200						Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
3	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở hành chính xã Tân Hưng, huyện Cái Nước													400	400	400						Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
4	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông N1 (giai đoạn 2) Khu công nghiệp Khánh An													300	300	300						Ban Quản lý Khu kinh tế
5	Tuyến đường tránh chợ thị trấn U Minh, huyện U Minh (phần nền hạ tuyến đường)													800	800	208	592		592		Không còn nhu cầu giải ngân	Ủy ban nhân dân huyện U Minh
6	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở hành chính xã Khánh Lâm, huyện U Minh													600	600	600						Ủy ban nhân dân huyện U Minh
7	Đoạn đường từ cầu Ông Khen xã Nguyễn Phích đến chợ Vàm Cai Tàu xã Khánh An, huyện U Minh													700	700	700						Ủy ban nhân dân huyện U Minh
8	Dự án đầu tư xây dựng bến xe khách xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển													155	155	155						Sở Giao thông vận tải
9	Trụ sở hành chính phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau													300	300	300						Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
13	Trụ sở hành chính xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời													500	500		500		500		Đã được bỏ tri kế hoạch vốn năm 2021	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
K	VỐN LẬP QUY HOẠCH TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050													475	475	475						Sở Kế hoạch và Đầu tư
L	CHI TRẢ NỢ GỐC ĐẾN HẠN NĂM 2020													29.939	29.939	29.410	529		529		Không còn nhu cầu giải ngân	Sở Tài chính



PHỤ LỤC II
ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC KẾ HOẠCH VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT NĂM 2020 CHUYỂN SANG NĂM 2021
 (Kèm theo Tờ trình số 23/TTR-UBND ngày 10/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Danh mục đầu tư	Loại	Khu vực	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn bổ trợ từ khai công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Đã giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020 còn lại chưa giải ngân (tính đến ngày 31/01/2021)		Kế hoạch vốn năm 2020 còn lại chưa giải ngân chuyển sang năm 2021 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư	
																	Tăng (+)	Giảm (-)				
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18=16-17	19	20	21=(18+19)- 20	22	23
TỔNG SỐ						9.935.385	2.871.571	673.492	203.163	3.356.095	1.931.164	1.405.554	756.077	1.467.846	900.485	806.583	93.902	9.931	9.931	93.902		
A LĨNH VỰC Y TẾ						1.127.384	745.553	467.418	183.402	522.651	522.651	296.688	296.688	197.519	180.519	155.910	24.609	2.631	5.074	22.166		
I Dự án chuyển tiếp						942.170	647.039	467.418	183.402	426.108	426.108	296.688	296.688	118.255	101.255	93.200	8.055	2.631	3.000	7.686		
1	Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng			7146174	1625/QĐ-UBND ngày 31/10/2013; 1762/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	213.633	213.633	55.391	55.391	121.368	121.368	117.708	117.708	18.000	18.000	18.000						Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Cà Mau			7182289	1831/QĐ-UBND ngày 29/10/2009; 1025/QĐ-UBND ngày 27/6/2018; 1213/QĐ-UBND ngày 06/7/2020	488.025	192.894	412.027	128.011	69.167	69.167	62.167	62.167	7.000	7.000	7.000						Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
3	Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Cà Mau			7562653	1865/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	48.407	48.407			43.566	43.566	33.816	33.816	4.255	4.255	4.255						Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
4	Nhà Kỹ thuật nghiệp vụ kết hợp Khoa cấp cứu Bệnh viện đa khoa Cà Mau			7541537	1697/QĐ-UBND ngày 31/10/2015; 1777/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	105.907	105.907			105.907	105.907	62.697	62.697	32.000	32.000	29.000	3.000		3.000		Đã hoàn thành đưa vào sử dụng, không còn nhu cầu giải ngân do đấu thầu giảm giá	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
5	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau thành đơn vị vệ tinh của Bệnh viện Ung Bướu giai đoạn 2016-2020			7684305	1766/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	86.198	86.198			86.100	86.100	20.300	20.300	57.000	40.000	34.945	5.055	2.631		7.686	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Bệnh viện đa khoa Cà Mau
II Dự án khởi công mới năm 2020						185.214	98.514			96.543	96.543			79.264	79.264	62.710	16.554		2.074	14.480		
1	Dự án đầu tư xây dựng mô hình Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau làm vệ tinh cho Bệnh viện Từ Dũ giai đoạn 2016-2020	423	132	7757509	469/QĐ-UBND ngày 21/3/2019	8.863	8.863			8.863	8.863			8.000	8.000	7.927	73		73		Không còn nhu cầu giải ngân	Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau
2	Dự án đầu tư xây dựng mô hình Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau làm vệ tinh cho Bệnh viện Nhi đồng 1 giai đoạn 2 (2016-2020)	423	132	7834487	1895/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	39.219	39.219			37.364	37.364			37.364	37.364	22.956	14.408			14.408	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau
3	Dự án đầu tư hệ thống chụp cắt lớp vi tính cho bệnh viện đa khoa Cà Mau			7790674	1881/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	40.016	40.016			40.016	40.016			30.000	30.000	29.999	1		1		Không còn nhu cầu giải ngân	Bệnh viện đa khoa Cà Mau
4	Công trình đầu tư xây dựng mở rộng nhà đất máy DSA thành đơn vị can thiệp tim mạch			7780935	238/QĐ-SXD ngày 22/8/2019	2.116	2.116			2.000	2.000			1.900	1.900	1.828	72			72	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Bệnh viện đa khoa Cà Mau
5	Đổi ứng Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn (sử dụng vốn ODA của Ngân hàng Phát triển châu Á)				6689/QĐ-BYT ngày 02/11/2018	95.000	8.300			8.300	8.300			2.000	2.000		2.000		2.000		Chưa giải ngân được do phụ thuộc vào dự án chủ quan của Bộ Y tế (Trung ương chưa bố trí vốn ODA)	Sở Y tế
B LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO						443.731	443.731			440.694	440.694	107.024	107.024	247.468	247.468	243.688	3.780	2.000	958	4.822		
I Dự án chuyển tiếp						179.242	179.242			178.550	178.550	107.024	107.024	56.747	56.747	56.047	700	500	610	590		
1	Trường Trung học cơ sở Bông Văn Diên, huyện Ngọc Hiển		.073	7746954	398/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	12.565	12.565			12.500	12.500	7.977	7.977	3.700	3.700	3.610	90	500		590	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
2	Trường THCS Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển		.073	7668335	421/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	10.970	10.970			10.970	10.970	6.297	6.297	3.900	3.900	3.762	138		138		Không còn nhu cầu giải ngân	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
3	Trường THCS Tân Lợi, xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình		.073	7722036	282/QĐ-SXD ngày 27/9/2018	14.693	14.693			14.693	14.693	5.000	5.000	5.800	5.800	5.800					Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
4	Một số hạng mục công trình tại Trường THPT Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời		.073	7707937	309/QĐ-SXD ngày 22/10/2018	14.864	14.864			14.864	14.864	12.000	12.000	1.805	1.805	1.805					Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau	
5	Nâng cấp Trường THPT Trần Văn Thời đạt chuẩn quốc gia		.073	7707938	1775/QĐ-SXD ngày 30/10/2018; 1257/QĐ-UBND ngày 09/7/2020	30.071	30.071			30.071	30.071	14.000	14.000	11.600	11.600	11.600					Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau	
6	Trường THPT Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi		.073	7718858	310/QĐ-SXD ngày 22/10/2018; 114/QĐ-SXD ngày 10/5/2019	12.377	12.377			12.377	12.377	10.000	10.000	1.161	1.161	1.161					Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau	

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn bỏ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bỏ		Đã giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	KHV năm 2020 còn lại chưa giải ngân chuyển sang năm 2021	Đề xuất ưu tiên kế hoạch vốn năm 2020 còn lại chưa giải ngân (tính đến ngày 31/01/2021)		Kế hoạch vốn năm 2020 còn lại chưa giải ngân chuyển sang năm 2021 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chu đầu tư
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tăng (+)			Giảm (-)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18=16-17	19	20	21=(18+19)-20	22	23
7	Nâng cấp Trường THPT Huỳnh Phi Hùng, huyện Trần Văn Thời		.073	7710188	322/QĐ-SXD ngày 24/10/2018, 273/QĐ-SXD ngày 25/8/2020	13.302	13.302			13.302	13.302	11.000	11.000	1.929	1.929	1.929						Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
8	Trường THCS Tân Hưng, huyện Cái Nước		.073	7749540	349/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	13.678	13.678			13.550	13.550	7.000	7.000	6.550	6.550	6.549	1		1	Không còn nhu cầu giải ngân	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
9	Trường THCS Cái Nước, huyện Cái Nước		.073	7728614	365/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	12.999	12.999			12.500	12.500	10.000	10.000	2.497	2.497	2.496	1		1	Không còn nhu cầu giải ngân	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
10	Trường Tiểu học - THCS Võ Thị Sáu, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước		.073	7743388	372/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	14.959	14.959			14.959	14.959	11.500	11.500	2.805	2.805	2.805					Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
11	Trường Trung học cơ sở Hoàng Xuân Nhị, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh		.073	7741354	352/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.707	14.707			14.707	14.707	6.125	6.125	8.000	8.000	8.000					Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
12	Trường Trung học cơ sở Trần Ngọc Hy, xã Khánh Thuận, huyện U Minh		.073	7741355	353/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.057	14.057			14.057	14.057	6.125	6.125	7.000	7.000	6.530	470		470	Không còn nhu cầu giải ngân	Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
II	Dự án khởi công mỗi năm 2020					264.489	264.489			262.144	262.144			190.721	190.721	187.641	3.080	1.500	348	4.232		
1	Trường TH-THCS Trần Thới, huyện Cái Nước		.073	7790917	341/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	13.765	13.765			13.765	13.765			10.000	10.000	10.000					Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
2	Trường TH-THCS Đồng Hưng, huyện Cái Nước		.073	7802412	321/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	12.470	12.470			12.470	12.470			10.000	10.000	10.000					Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
3	Trường THCS Tam Giang Đông, huyện Năm Căn		.073	7822451	348/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	11.980	11.980			11.980	11.980			6.900	6.900	6.900					Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn	
4	Trường THCS Bông Ván Dĩa, huyện Ngọc Hiển		.073	7813735	343/QĐ-SXD ngày 29/10/2019	3.937	3.937			3.937	3.937			3.700	3.700	3.496	204		105	99	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
5	Trường THCS xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển		.073	7812437	340/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	5.949	5.949			5.949	5.949			4.476	4.476	4.164	312		175	137	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
6	Trường THCS xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển		.073	7811623	357/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	10.946	10.946			10.946	10.946			5.000	5.000	5.000					Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
7	Trường THCS Tân Phong, xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình		.073	7799392	349/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	14.701	14.701			14.701	14.701			13.000	13.000	13.000		400		400	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
8	Trường THCS Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Thới Bình		.073	7799955	339/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	14.960	14.960			14.960	14.960			13.000	13.000	13.000		500		500	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
9	Trường THCS thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình		.073	7799393	338/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	14.970	14.970			14.970	14.970			13.000	13.000	13.000		600		600	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
10	Trường THCS Nguyễn Văn Tổ, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh		.073	7816618	330/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	8.925	8.925			8.925	8.925			4.000	4.000	4.000					Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
11	Trường TH-THCS Nguyễn Bình Khiêm, xã Khánh Lâm, huyện U Minh		.073	7816920	343/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	14.950	14.950			14.950	14.950			5.000	5.000	5.000					Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
12	Trường THCS Tân Tiến, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi		.073	7799949	320/QĐ-SXD ngày 24/10/2019; 362/QĐ-SXD ngày 20/10/2020	9.024	9.024			9.024	9.024			8.854	8.854	8.806	48		48	Không còn nhu cầu giải ngân	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
13	Trường THCS Thới Phong, xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi		.073	7812189	318/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	8.065	8.065			8.065	8.065			6.786	6.786	6.786					Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
14	Trường THCS Ngọc Chánh, xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi		.073	7810138	332/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	9.815	9.815			9.815	9.815			7.558	7.558	7.538	20		20	Không còn nhu cầu giải ngân	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
15	Trường THCS Dương Thị Cẩm Vân, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi		.073	7791527	337/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	9.875	9.875			9.875	9.875			9.297	9.297	9.297					Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
16	Trường THCS Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời		.073	7808863	360/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	8.997	8.997			8.997	8.997			8.000	8.000	6.311	1.689			1.689	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
17	Trường THCS 2 Lợi An, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời		.073	7835810	364/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	7.819	7.819			7.819	7.819			7.000	7.000	6.193	807			807	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
18	Trường THCS Gò Công, xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân		.073	7826309	352/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	14.878	14.878			14.878	14.878			13.000	13.000	13.000					Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
19	Trường THCS Mỹ Bình, xã Phú Tân, huyện Phú Tân		.073	7826308	358/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	11.985	11.985			11.985	11.985			10.000	10.000	10.000					Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
20	Trường THPT Phan Ngọc Hiển, huyện Năm Căn		.073	7781478	1896/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	23.443	23.443			21.098	21.098				10.000	10.000	10.000					Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO
21	Trường THPT Võ Thị Hồng, huyện Trần Văn Thời		.073	7717858	325/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	14.976	14.976			14.976	14.976				8.000	8.000	8.000					Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO
22	Trường THPT Huỳnh Phi Hùng, huyện Trần Văn Thời		.073	7781479	326/QĐ-SXD ngày 25/10/2019; 274/QĐ-SXD ngày 25/8/2020	5.432	5.432			5.432	5.432				5.150	5.150	5.150					Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO
23	Trường THPT Thái Thanh Hòa, huyện Đầm Dơi		.073	7781477	322/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	12.627	12.627			12.627	12.627				9.000	9.000	9.000					Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO

TT	Danh mục đầu tư	Loại	Khuôn	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn bổ trợ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Đã giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	KHV năm 2020 còn lại chưa giải ngân chuyển sang năm 2021	Đề xuất ưu tiên kế hoạch vốn năm 2020 còn lại chưa giải ngân (tính đến ngày 31/01/2021)		Kế hoạch vốn năm 2020 còn lại chưa giải ngân chuyển sang năm 2021 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tăng (+)	Giảm (-)			
1				5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18=16-17	19	20	21=(18+19)- 20	22	23
C	LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI					335.906	182.115	21.780	19.761	289.003	149.351	53.354	53.354	49.192	55.003	43.512	11.491	600	7	12.084		
I	Dự án chuyển tiếp					238.694	114.555	21.780	19.761	191.791	81.791	53.354	53.354	9.803	19.303	19.296	7		7			
1	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Phú Tân (giai đoạn I)			7275587	1659/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	39.977	39.977	19.761	19.761	20.216	20.216	15.430	15.430	2.553	2.553	2.553						Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
2	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Nuôi dưỡng người tàn tật tỉnh Cà Mau			7618944	1813/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	18.210	18.210			18.210	18.210	11.449	11.449	5.450	5.450	5.450						Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
3	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm chứng tích tội ác Mỹ Ngụy ở Biệt khu Hải Yến - Bình Hưng			7258703	1626/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	46.868	46.868	2.019		43.365	43.365	26.475	26.475	1.800	1.800	1.793	7		7	Không còn nhu cầu giải ngân		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
4	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Điểm du lịch Đất Mũi thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Cà Mau			7560286	542/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 1270/QĐ-UBND ngày 31/7/2019; 1668/QĐ-UBND ngày 03/9/2020	133.639	9.500			110.000					9.500	9.500						Ban Quản lý dự án công trình Giao thông
II	Dự án khởi công mới năm 2020					97.212	67.560			97.212	67.560			39.389	35.700	24.216	11.484	600		12.084		
1	Dự án đầu tư mua sắm xe truyền hình lưu động chuẩn HD của Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau			7817027	1882/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	29.875	20.700			29.875	20.700			10.700	10.700	610	10.090			10.090	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau
2	Tu bổ, chỉnh trang, nâng cấp Đền thờ Vua Hùng tại xã Tân Phú, huyện Thới Bình			7807092	1901/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	29.260	29.260			29.260	29.260			8.000	8.000	8.000						Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
3	Công trình cải tạo, nâng cấp Tượng đài Khởi nghĩa Hòn Khoai, huyện Năm Căn			7796342	472/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	12.184	8.500			12.184	8.500			12.189	8.500	8.500						Hồ sơ ngân sách huyện Năm Căn
4	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu nhà ở trong Khu du lịch Lăng nghề thuộc Công viên Văn hóa - Du lịch Mũi Cà Mau		341	7755813	119/QĐ-SXD ngày 14/5/2019; 1363/QĐ-UBND ngày 22/7/2020	25.893	9.100			25.893	9.100			8.500	8.500	7.106	1.394	600		1.994	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Ban Quản lý dự án công trình Giao thông
D	LĨNH VỰC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI					489.699	447.155	5.802		412.439	403.981	200.926	192.468	122.710	124.110	123.555	555	1.000		1.555		
a)	Dự án chuyển tiếp					300.162	257.618	5.802		240.368	231.910	199.627	191.169	24.660	26.060	26.060						
1	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh An, huyện U Minh (đoạn từ Cây Khô đến Trường THCS Nguyễn Văn Tổ)			7007534	614/QĐUBND ngày 08/4/2014	126.362	83.818	5.802		73.892	73.892	73.892	73.892	4.124	4.124	4.124						Ủy ban nhân dân huyện U Minh
2	Công trình đầu tư xây dựng mặt đường đoạn từ cầu Kênh Năm đến cầu Thanh Tùng thuộc tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn			7664663	1816/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 906/QĐ-UBND ngày 30/5/2019	28.976	28.976			26.078	26.078	21.669	21.669	3.279	3.279	3.279						Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
3	Tuyến đường từ trung tâm xã Phong Điền đến Đầm Thị Tường, huyện Trần Văn Thời			7610805	1805/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.258	44.258			39.832	39.832	24.200	24.200	5.257	5.257	5.257						Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
4	Dự án đầu tư xây dựng mới 03 cầu (cầu Xi Tộc, cầu Trung Đoàn và cầu Công An) trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn			7562293	1805/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	46.165	46.165			46.165	46.165	41.408	41.408		1.400	1.400						Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
5	Cầu qua sông Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân			7603197	1162/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	54.401	54.401			54.401	45.943	38.458	30.000	12.000	12.000	12.000						Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
b)	Dự án khởi công mới năm 2020					189.537	189.537			172.071	172.071	1.299	1.299	98.050	98.050	97.495	555	1.000		1.555		
1	Cầu bắc ngang sông Cái Tàu, huyện U Minh			7596751	1863/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	88.954	88.954			80.058	80.058	412	412	32.700	32.700	32.700						Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
2	Cầu Xóm Ruộng, huyện Đầm Dơi			7636415	1808/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	34.520	34.520			31.068	31.068	429	429	17.300	17.300	17.300						Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
3	Cầu Cơi Nám và cầu Kênh Đưng, huyện Trần Văn Thời			7652205	1758/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	26.425	26.425			23.782	23.782	458	458	17.050	17.050	17.050						Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
4	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường nhựa Kênh T21 (đoạn từ cầu kênh T21 đến giáp đường công Khu Điện Đạm), huyện U Minh			7734354	1357/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	24.742	24.742			22.267	22.267			19.000	19.000	19.000						Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
5	Cầu Dinh Hạm trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân An, huyện Ngọc Hiển			7794716	1012/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2019	14.896	14.896			14.896	14.896			12.000	12.000	11.445	555	1.000		1.555	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
E	LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TÀI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU					2.404.021	342.914	30.000		1.212.830	313.272	518.005	101.832	680.650	138.595	115.695	22.900		540	22.360		
a)	Dự án chuyển tiếp					2.385.319	324.212	30.000		1.194.128	294.570	518.005	101.832	662.416	120.361	97.483	22.878		518	22.360		

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Đã giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	KHHV năm 2020 còn lại chưa giải ngân chuyển sang năm 2021	Đề xuất ưu tiên kế hoạch vốn năm 2020 còn lại chưa giải ngân (tính đến ngày 31/01/2021)		Kế hoạch vốn năm 2020 còn lại chưa giải ngân chuyển sang năm 2021 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tăng (+)	Giảm (-)								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18=16-17	19	20	21=(18+19)-20	22	23
1	Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp bến cá Khánh Hội, huyện U Minh	280	284	7027480	1614/QĐ-UBND ngày 20/9/2019; 745/QĐ-UBND ngày 07/5/2020	134.163	21.048			54.889	19.354			54.835	19.300	19.264	36		36		Không còn nhu cầu giải ngân	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn
2	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2019 và năm 2020			Nhiều công trình	515/QĐ-UBND ngày 28/3/2019; 1900/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	80.440	6.198			6.198	6.198			6.000	6.000	5.367	633		482	151	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, trình UBND tỉnh quyết định phân khai sử dụng
3	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tiểu vùng II, III, V - Cà Mau	280	283	7643016	4423/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017	500.000	21.000			474.000	21.000	210.531	9.000	192.000	12.000	6.194	5.806			5.806	Tiếp tục chi tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được duyệt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Dự án hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	280	283	7067082	1439/QĐ-BNN-TCTS ngày 27/6/2013; 3202/QĐ-BNN-KH ngày 31/7/2017	200.848	29.948					15.430	10.000	7.450	7.450	6.332	1.118			1.118	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Đổi ứng Dự án Bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2015 - 2020	280	282	7536253	1359/QĐ-UBND ngày 28/8/2018	90.265		30.000		51.378	2.000	51.212		2.000	2.000	1.812	188			188	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Đổi ứng Tiểu Dự án 8: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau thuộc Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL - ICRSL"	280	284	7605935	1693/QĐ-BNN ngày 09/5/2016	792.883	90.000			341.645	90.000	7.143	7.143	229.120	14.000	14.000						Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Đổi ứng Dự án "Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam" do Quỹ Khí hậu xanh tài trợ không hoàn lại thông qua Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc	280	283	7692036	479/QĐ-UBND ngày 21/3/2018; 1955/QĐ-UBND ngày 05/11/2019	81.587	1.983			1.983	1.983	689	689	611	611	511	100			100	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Dự án đầu tư xây dựng Kê cấp bách tại Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau			7296707	545/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 1819/QĐ-UBND ngày 30/12/2017	234.955	64.651			64.651	64.651	78.000	30.000	140.400	29.000	29.000						Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT
9	Dự án xây dựng kê cấp bách bảo vệ bờ biển Đông khu vực cửa biển Rạch Gốc, cửa biển Vàm Xoáy, huyện Ngọc Hiển	280	283	7723473	1117/QĐ-UBND ngày 08/7/2019	134.384	24.384			134.384	24.384	110.000		17.000	17.000	6.775	10.225			10.225	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT
10	Các dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư trên địa bàn các huyện ven biển tỉnh Cà Mau				Các Quyết định	135.794	65.000			65.000	65.000	45.000	45.000	13.000	13.000	8.228	4.772			4.772		
	Trong đó:																					
10.1	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn			7084308	1682/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	46.985	17.665	19.392		17.665	17.665	12.665	12.665	5.000	5.000	228	4.772			4.772	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT
10.2	Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện Trần Văn Thời			7006177	1340/QĐ-UBND ngày 06/8/2009	72.711	72.711	18.583		27.050	27.050	12.050	12.050	8.000	8.000	8.000						Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT
b)	Dự án khởi công mới năm 2020					18.702	18.702			18.702	18.702	-	-	18.234	18.234	18.212	22		22			
1	Công trình xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn	280	311	7778006	244/QĐ-SXD ngày 28/8/2019	14.440	14.440			14.440	14.440			14.075	14.075	14.054	21		21		Không còn nhu cầu giải ngân	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Công trình nâng cấp, cải tạo công trình cấp nước tại Tru sở Vườn Quốc gia U Minh hạ và lấp đất mới tuyến ống kênh cấp nước	280	311	7753193	72/QĐ-SXD ngày 04/4/2019	4.262	4.262			4.262	4.262			4.159	4.159	4.158	1		1		Không còn nhu cầu giải ngân	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
G	CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG					686.264	608.683	148.492		472.966	95.703	225.253	407	144.639	129.639	102.424	27.215	3.700		30.915		
a)	Dự án chuyển tiếp					627.887	550.306	148.492		417.263	40.000	224.846		90.286	75.286	48.071	27.215	3.700		30.915		
1	Cầu qua sông Tắc Thủ thuộc đường Vành đai 1, thành phố Cà Mau			7440195	1984/QĐ-UBND ngày 27/12/2013; 913/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	191.301	191.301			172.171	25.000	49.838		15.000	15.000	12.651	2.349	3.700		6.049	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
2	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ Hành lang ven biển phía Nam đến điểm du lịch sinh thái Sông Trèm			7498224	1679/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	115.525	115.525			89.755		89.755		10.000	10.000	10.000						Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Đã giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	KHV năm 2020 còn lại chưa giải ngân chuyển sang năm 2021	Đề xuất ưu tiên kế hoạch vốn năm 2020 còn lại chưa giải ngân (tính đến ngày 31/01/2021)		Kế hoạch vốn năm 2020 còn lại chưa giải ngân chuyển sang năm 2021 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tăng (+)	Giảm (-)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18-16-17	19	20	21=(18-19)-20	22	23
3	Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường, Ngõ Quyền, thành phố Cà Mau		292	7404890	1981/QĐ-UBND ngày 27/12/2013	231.080	231.080	131.828		82.020	15.000	39.500		38.286	38.286	17.952	20.334			20.334	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
4	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống giao thông khu hành chính huyện Phú Tân			7147972	1297/QĐ-UBND ngày 29/7/2009	89.981	12.400	16.664		73.317		45.753		27.000	12.000	7.468	4.532			4.532	Tiếp tục thanh toán khối lượng	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
b)	Dự án khởi công mới năm 2020					58.377	58.377	-	-	55.703	55.703	407	407	54.353	54.353	54.353						
1	Cầu Cây Dương, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi			7799948	1011/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2019	14.027	14.027			11.353	11.353			11.353	11.353	11.353						Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
2	Dự án đầu tư xây dựng đường Phan Ngọc Hiến (nối dài), huyện Phú Tân			7603666	1807/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.350	44.350			44.350	44.350	407	407	43.000	43.000	43.000						Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
H	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					4.448.380	101.420							5.668	5.151	4.501	650		650			
1	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa tỉnh Cà Mau				05/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	3.322.575								650	650		650		650		Thủ tục chuẩn bị đầu tư chuyển giao về cơ quan chuyên môn (Sở Xây dựng)	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Dự án xây dựng tuyến đường từ xã Tân Trung (đầu nối đường Lương Thế Trân - Đầm Dơi) đến đường trục chính Đông Tây			7817443	1903/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	44.035								440	440	440						Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
3	Hệ thống thoát nước đường Hải Thượng Lãn Ông			7817445	1904/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	23.844								238	238	238						Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
4	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tắc Thu - Rạch Ráng - Sông Đốc đoạn qua nội ô thị trấn Trần Văn Thời (từ cầu Rạch Ráng đến đường số 11).			7817444	1919/QĐ-UBND ngày 14/10/2020	61.858								240	240	240						Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
5	Dự án đầu tư nâng cấp đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn từ ngã tư Xóm Ruộng đến thị trấn Đầm Dơi)			7825447	631/QĐ-UBND ngày 15/4/2020	58.876								900	400	400						Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường về trung tâm xã Hàng Vĩnh (ngã tư Vòng xoay đến Vàm Xáng Cái Ngay), huyện Năm Căn			7859367	1817/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	101.420	101.420							500	500	500						Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
7	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ Bến phà xã Hiệp Tùng - Lâm trường 184 đến Bến phà qua xã Tam Giang, đầu nối tuyến đường ô tô về trung tâm xã Tam Giang, huyện Năm Căn													400	400	400						Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
8	Dự án xây dựng cầu Trảng Cỏ và cầu Rạch Ruộng			7650354	15/HĐND-TT ngày 23/0/2017	85.772								300	283	283						Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
10	Dự án xây dựng đê biển Tây từ Cái Đoi Vàm đến Kênh Năm và kè phòng, chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa biển sông Ông Đốc đến cửa biển Báy Háp, tỉnh Cà Mau	280	284	7791469	1135/QĐ-TTg ngày 04/9/2019	750.000								2.000	2.000	2.000						Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
1	THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG TỒN ĐONG SAU QUYẾT TOÁN									5.512	5.512	4.304	4.304	20.000	20.000	17.298	2.702		2.702		Không còn nhu cầu giải ngân	Sở Tài chính trình phân khai sử dụng